TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HS-PT
Ngày 17-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thụ.

Bà Nguyễn Thị Như .

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quang Toàn, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Quỳnh Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Nông Thị L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị cáo kháng cáo:***Nông Thị L** (tên gọi khác không), sinh ngày 24 tháng 9 năm 1974 tại Đ, H, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1934; có chồng: Lưu Ngọc H, sinh năm 1970 và 02 con; nhân thân: Tốt; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2022 đến ngày 17/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng được thay thế biện pháp ngăn chặn đặt tiền để đảm bảo; hiện nay đang được tại ngoại tại nơi cư trú; (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lưu Ngọc H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 12/9/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B nhận được đơn tố giác của ông Hoàng Văn S, sinh năm 1989; trú tại: xóm N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng với nội dung: Từ năm học 2017 - 2018 đến 2020 - 2021 tại 02 điểm trường (N và M) thuộc thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng không thực hiện việc chi trả tiền chế độ của học sinh theo Nghị định 116/NĐ - CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh tại các điểm trường của vùng đặc biệt khó khăn, có nhiều sai phạm và ảnh hưởng đến quyền lợi của các cháu học sinh được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước, vụ việc đã gây ảnh hưởng xấu trong dư luận, quần chúng nhân dân.

Quá trình điều tra xác định được: Từ năm 2017-2018 đến năm 2020-2021, tại 02 điểm trường trên có tổ chức nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định 116/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính Phủ, mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 09 tháng/năm học/học sinh, cụ thể: Năm học 2016-2017, 2017-2018 là 520.000 đồng/01 tháng/01 học sinh. Năm 2018-2019 là 556.000 đồng/01 tháng/01 học sinh. Năm 2019-2020 đến năm 2021 là 596.000 đồng/01 tháng/01 học sinh.

Trong thời gian kể trên với chức vụ Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng - Trường Tiểu học N, thị trấn P, huyện B; bà Nông Thị L là người trực tiếp đến Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện B để nhận tiền chế độ của học sinh về chi trả cho các cháu học sinh tại 02 điểm trường N và Mạy R, tiền chế độ của học sinh mỗi năm học được chi trả 02 lần theo kỳ học; sau khi ký nhận các khoản tiền chế độ của học sinh từ bộ phận kế toán của Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện N đã nhận tiền đem về nhà; sau đó, sử dụng máy tính xách tay của cá nhân tự tính toán các khoản tiền ăn, tiền mua thực phẩm hàng ngày, tiền mua sắm sách vở, đồ dùng học tập của học sinh. Sử dụng, số tiền chế độ học sinh đã nhận về trừ đi các khoản đã tính toán, số tiền còn lại Nông Thị L đã giao cho các giáo viên chủ nhiệm lớp đến nhận và chi trả cho từng học sinh theo danh sách đã được phê duyệt. Việc tự tính toán tiền chế độ chính sách của học sinh đã xảy ra nhiều sai phạm, dẫn đến các khoản tiền chế độ của học sinh không được chi trả đầy đủ và kịp thời. Học kỳ I năm học 2017-2018, sau khi mua thực phẩm nấu ăn, số tiền còn dư Nông Thị L không chi trả tiền mặt cho học sinh; từ học kỳ II năm 2017-2018 đến năm 2020-2021 chưa chi trả hết, cụ thể như sau:

- Tại điểm trường N, thị trấn P, huyện B:

Năm học 2017-2018: Học kỳ I: số tiền nhận từ Phòng G là: 95.680.000 đồng; số tiền đã chi mua thực phẩm: 66.395.000 đồng; số tiền còn tồn: 29.285.000

đồng. Học kỳ II: Số tiền nhận từ Phòng G: 119.600.000 đồng, số tiền đã chi: 81.636.000 đồng; số tiền còn tồn: 37.964.000 đồng (Tổng cộng: 67.249.000 đồng).

Năm học 2018-2019: Học kỳ I: số tiền nhận từ Phòng G là: 102.304.000 đồng; số tiền đã chi: 63.541.000 đồng; số tiền còn tồn: 46.828.000 đồng. Học kỳ II: Số tiền nhận từ Phòng G: 127.880.000 đồng, số tiền đã chi: 112.009.000 đồng; số tiền còn tồn: 20.431.000 đồng (Tổng cộng: 67.259.000 đồng).

Năm học 2019-2020: Học kỳ I: số tiền nhận từ Phòng G là: 114.432.000 đồng; số tiền thu vé học sinh: 12.992.000 đồng; số tiền đã chi: 100.693.000 đồng; số tiền còn tồn: 26.731.000 đồng. Học kỳ II: Số tiền nhận từ Phòng G: 100.128.000 đồng; số tiền thu vé học sinh: 6.536.000 đồng; số tiền đã chi: 113.812.000 đồng; số tiền còn tồn: Không, chi vượt 7.148.000 đồng, (Tổng cộng: 19.583.000 đồng).

Năm học 2020-2021: Học kỳ I: số tiền nhận từ Phòng G là: 109.664.000 đồng; số tiền thu vé học sinh: 13.773.000 đồng; số tiền đã chi: 117.113.000 đồng; số tiền còn tồn: 6.324.000 đồng. Học kỳ II: Số tiền nhận từ Phòng G: 134.100.000 đồng; số tiền thu vé học sinh: 8.142.000 đồng; số tiền đã chi: 142.135.000 đồng; số tiền còn tồn: 107.000 đồng, (Tổng cộng: 6.431.000 đồng).

Tổng số tiền còn tồn cả 04 năm học tại điểm trường N là: 160.522.000 đồng, *(bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng).*

- Tại điểm trường M, thị trấn P, huyện B:

Năm học 2017-2018: Học kỳ I: số tiền nhận từ Phòng G là: 104.000.000 đồng; số tiền đã chi mua thực phẩm: 47.923.000 đồng và 40.272.000 đồng tiền ăn học kỳ II năm học 2016-2017 chuyển sang; số tiền còn tồn: 15.805.000 đồng. Học kỳ II: Số tiền nhận từ Phòng G: 130.000.000 đồng, số tiền đã chi: 85.829.000 đồng; số tiền còn tồn: 44.171.000 đồng, (Tổng cộng: 59.976.000 đồng).

Năm học 2018-2019: Học kỳ I: số tiền nhận từ Phòng G là: 91.184.000 đồng; số tiền đã chi: 50.349.000 đồng; số tiền còn tồn: 40.835.000 đồng. Học kỳ II: Số tiền nhận từ Phòng G: 113.980.000 đồng, số tiền đã chi: 94.990.000 đồng; số tiền còn tồn: 18.990.000 đồng, (Tổng cộng: 59.825.000 đồng).

Năm học 2019-2020: Học kỳ I: số tiền nhận từ Phòng G là: 121.584.000 đồng; số tiền đã chi: 106.430.000 đồng; số tiền còn tồn: 15.805.000 đồng. Học kỳ II: Số tiền nhận từ Phòng G: 106.386.000 đồng; số tiền đã chi: 108.825.000 đồng; số tiền còn tồn: 12.715.000 đồng, (Tổng cộng: 12.715.000 đồng).

Năm học 2020-2021: Học kỳ I: số tiền nhận từ Phòng G là: 166.880.000 đồng; số tiền đã chi: 166.090.000 đồng; số tiền còn tồn: 790.000 đồng. Học kỳ II:

Số tiền nhận từ Phòng G: 208.600.000 đồng; số tiền đã chi: 201.730.000 đồng; số tiền còn tồn: 7.460.000 đồng, (Tổng cộng: 8.430.000 đồng).

Tổng số tiền còn tồn cả 04 năm học tại điểm trường M là: 140.949.000 đồng, *(Một trăm bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng).*

Tổng số tiền cả 04 (Bốn) năm học còn tồn của cả 02 điểm trường trên là: 301.468.000 đồng *(bằng chữ: Ba trăm linh một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*; số tiền trên bị cáo L không báo cáo cho Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện B, tỉnh Cao Bằng được biết để giải quyết, mà giữ lại một phần chi tiêu cá nhân, một phần để lại trong nhà, nhưng cuối năm học vẫn nộp danh sách có ký nhận của học sinh để thanh, quyết toán bình thường, việc chi trả các khoản tiền chế độ của các cháu hóc sinh phải thực hiện đầy đủ, kịp thời trong năm học, không để kéo dài sang năm học sau, do đó hành vi của bị cáo L đã vi phạm Thông tư liên tịch số 65/2011/TTLT-BGDĐT-BTC-BKHĐT ngày 22/12/2011 của Bộ G - Bộ T2 - Bộ K đầu tư.

Ngày 20/12/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng đã ra Lệnh khám xét số 01, 02, để khám xét nơi làm việc, nơi ở của Nông Thị L và tạm giữ 01 (Một) máy tính xách tay cá nhân và một số tài liệu có liên quan đến hành vi phạm tội. Sau khi nhận được phản ánh của các giáo viên chủ nhiệm tại 02 điểm trường trên; Ban giám hiệu Nhà trường đã tổ chức họp và thống nhất họp với các phụ huynh và có sự chứng kiến của T1 xóm và Bí thư chi bộ; trong các ngày 27/4/2022 và ngày 04/5/2022 Nông Thị L mới đem số tiền tồn còn lại chi trả cho các cháu học sinh tại 02 điểm trường trên hết, số tiền đã trả là 306.046.000 đồng; nhưng lúc chi trả do bị cáo L tính toán không đúng đã chi trả thừa số tiền 4.578.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Nông Thị L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 18/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đã ban hành Cáo trạng số: 21/CT-VKSBL truy tố Nông Thị L về tội "*Tội tham ô tài sản"* theo quy định tại các điểm c, d, đ, khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án số 22/2023/HSST ngày 08-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã quyết định:

- Về tội danh: Tuyên bố, bị cáo Nông Thị L phạm tội *"Tham ô tài sản"*.

- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt, bị cáo Nông Thị L 07 *(B)* năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày

bị cáo đi chấp hành Bản án, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2022 đến ngày 17/01/2023.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2023 bị cáo Nông Thị L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và phần vật chứng xin được trả lại máy tính cho chồng bị cáo là ông Lưu Ngọc H.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

Bị cáo Nông Thị L rút yêu cầu kháng cáo về xử lý vật chứng, không yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét vì cấp sơ thẩm xử là đúng; bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo về phần xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình, bản thân bị cáo bị huyết áp cao mãn tính, u nang tuyến giáp, có bố đẻ và anh trai ruột là người có công với cách mạng và được nhận H1 huy chương, xin được giảm nhẹ hình phạt; tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo có bổ sung thêm tài liệu, trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen, được tặng kỷ niệm chương của ngành Giáo dục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo: Đối với kháng cáo về xử lý vật chứng, tại phiên tòa bị cáo rút kháng cáo về xử lý vật chứng; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu xử lý vật chứng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện trong quá trình công tác bị cáo luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được khen thưởng giấy khen và bị cáo trình bày bản thân bị cáo bị huyết áp cao mãn tính, u nang tuyến giáp; quá trình điều tra tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm sáng tỏ tình tiết vụ án; đây là các tình tiết giảm nhẹ mới cần áp dụng cho bị cáo theo điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Đình chỉ xét xử về việc xử lý vật chứng; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 02 năm đến 03 năm.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận.

Trong lời nói sau cùng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 6 năm 2023, bị cáo Nông Thị L có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo viết trong hạn luật định và thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên được Tòa án chấp nhận, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm là phù hợp với nhau, khớp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong các năm học 2017-2018 đến 2020-2021 với chức vụ Phó hiệu trưởng, Hiệu trưởng-Trường Tiểu học N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng bị cáo L là người trực tiếp nhận tiền chế độ chính sách của học sinh được hưởng tại Phòng giáo dục, đào tạo huyện B, tỉnh Cao Bằng để chi trả cho các học sinh tại 02 điểm trường (N và M). Quá trình công tác thực hiện nhiệm vụ bị cáo một mình tự tính toán tiền chế độ chính sách để chi trả; do vậy, đã xảy ra nhiều sai phạm, dẫn đến các khoản tiền chế độ của học sinh bị cáo không chi trả cất giữ ở nhà và dùng để chi tiêu cá nhân, cụ thể: Năm học 2017-2018 là: 127.225.000 đồng; năm học 2018-2019 là: 127.084.000 đồng; năm học 2019-2020 là: 32.298.000 đồng; năm học 2020-2021 là: 14.861.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt là **301.468.000** đồng *(bằng chữ: Ba trăm linh một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*.

Do vậy, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Nông Thị L bằng Bản án số 22/2023/HS-ST ngày 08-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng về tội "Tham ô tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Nông Thị L là rất nghiêm trọng, trong quá trình công tác với vai trò là Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng trường Tiểu học N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền trợ cấp của Nhà nước cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định của Chính phủ, tổng số tiền **301.468.000** đồng *(bằng chữ: Ba trăm linh một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*. Hành vi bị cáo gây ảnh hưởng đến chính sách của Đảng và Nhà nước, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân vào các Kế hoạch, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội; áp dụng là đầy đủ và chính xác các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 07 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nông Thị L đã nhận thức được hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình điều tra tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm sáng tỏ tình tiết và sớm kết thúc điều tra vụ án: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, khi được Ban giám hiệu nhà trường nhắc nhở, tháng 5 năm 2022 Nông Thị L đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt **306.046.000** đ (ba trăm linh sáu triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng); Đến tháng 11/ 2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng khởi tố vụ án. Ngoài ra, bị cáo còn xuất trình tài liệu thể hiện trong quá trình công tác bị cáo luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2016 được Phòng Giáo dục và đào tạo khen thưởng giấy khen và được Bộ trưởng Bộ G tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục; bản thân bị cáo bị huyết áp cao mãn tính, u nang tuyến giáp; Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cần áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên 07 năm tù đối với bị cáo là có căn cứ nhưng có phần nghiêm khắc. Do vậy, cần xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Đối với kháng cáo về xử lý vật chứng, tại phiên tòa bị cáo rút kháng cáo về xử lý vật chứng; Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu xử lý vật chứng.

Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Thị L, sửa phần hình phạt Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mới, nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về yêu cầu xử lý vật chứng của bị cáo Nông Thị L.

2. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nông Thị L; sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HSST ngày 08-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng về hình phạt, như sau:

Căn cứ điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt, bị cáo Nông Thị L 04 *(B1)* năm tù về tội " Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án được trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-12-2022 đến ngày 17-01-2023.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nông Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở Tư pháp tỉnh CB;
- TAND huyện Bảo Lâm;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Công an huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA huyện Bảo Lâm;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Biên Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Hoàng Văn Thụ Nông Biên Hòa